TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v tranh chấp Hợp đồngvay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Tạ Quang Đức

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Minh Khang, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *Khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa*: bà Lương Thị Mỹ Hiền, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 88/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lục Thanh N**, sinh năm 1965
Địa chỉ: F C, phường R, tỉnh An Giang – Có mặt.

Bị đơn: 1. ông **Huỳnh Hữu M**, sinh năm 1968 – Vắng mặt
2. bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1970 – Vắng mặt
Địa chỉ: F ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Lục Thanh N trình bày: vào ngày 30/02/2024 âl (ngày 08/4/2024 dương lịch) bà cho ông Huỳnh Hữu M, bà Lê Thị Thanh T vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 08/7/2024. Ông M, bà T đưa cho bà bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M đứng tên, thỏa thuận khi nào ông M, bà T trả lại tiền gốc và lãi thì bà trả lại 02 giấy chứng nhận này. Đến nay đã quá hạn nhưng ông M, bà T không trả nợ, chỉ đóng lãi tổng cộng là 10.000.000 đồng. Bà khởi kiện yêu cầu ông M, bà

T trả số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/02/2024 âl đến khi trả hết nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án, ông Huỳnh Hữu M, bà Lê Thị Thanh T mượn số tiền 800.000.000 đồng của bà N, theo biên nhận mượn tiền ngày 30/02/2024 âl mặc dù không ghi đầy đủ họ tên nguyên đơn nhưng có thỏa thuận giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N và nguyên đơn hiện đang giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Hữu M đứng tên. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu phần nợ gốc này. Về tiền lãi, nguyên đơn trình bày lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng và đã nhận tiền lãi từ bị đơn là 10.000.000 đồng, nhưng biên nhận mượn tiền ngày 30/02/2024 âl không có ghi thỏa thuận lãi, vì vậy lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, cần buộc nguyên đơn trả lại bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn sau khi bị đơn thanh toán nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2024, ngày 01/11/2024 bà Lục Thanh N yêu cầu ông Huỳnh Hữu M, bà Lê Thị Thanh T trả số tiền nợ vay 800.000.000 đồng và tiền lãi. Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông Huỳnh Hữu M, bà Lê Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/5/2025, ngày 16/6/2025 nên vụ án không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, triệu tập ông M, bà T tham gia phiên tòa ngày 15/7/2025, ngày 12/8/2025 nhưng ông M, bà T đều vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo biên nhận mượn tiền ngày 30/02/2024 âl (ngày 08/4/2024 dl) ông M, bà T vay của bà N với số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 08/7/2024. Như vậy thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 08/4/2024 đến ngày 08/7/2024, đây là hợp đồng vay có thời hạn. Nay đã quá thời gian thỏa thuận nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại tiền vốn cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về tiền lãi, theo biên nhận không thể hiện nội dung thỏa thuận lãi suất, nhưng bà N cho rằng lãi suất là 3%/tháng, bị đơn có đóng lãi nhưng không ghi nhận được ý kiến nên xem như không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi nên lãi suất được xác định bằng 10%/năm. Bị đơn phải trả lãi trong thời hạn vay là 800.000.000 đồng x 10%/năm x 3 tháng = 20.000.000 đồng, bị đơn đã đóng lãi số tiền 10.000.000 đồng nên còn phải trả lãi chậm trả tính đến ngày 12/8/2025 là 10.000.000 đồng x 10%/năm x 13 tháng = 1.083.000 đồng; về lãi quá hạn nguyên đơn đồng ý tính theo mức 10%/năm là 800.000.000 đồng x 10%/năm x 13 tháng = 86.666.700 đồng. Tổng cộng bị đơn phải trả nguyên đơn tiền lãi bằng số tiền 97.749.700 đồng.

[5] Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M giao cho bà N để thế chấp không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền về giao dịch bảo đảm, vì vậy việc thế chấp này vô hiệu. Bà N phải trả lại bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, ông M, bà T chịu án phí tương ứng nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Hữu M, bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lục Thanh N số tiền 897.749.700 đồng (T1 trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Lục Thanh N trả cho ông Huỳnh Hữu M, bà Lê Thị Thanh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06535 ngày 22/4/2024 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Huỳnh Hữu M; và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06541 ngày 23/4/2024 do Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Huỳnh Hữu M

Án phí dân sự sơ thẩm: ông M, bà T nộp 23.909.900 đồng. Bà N được nhận lại số tiền 18.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003378 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Lưu (HS - 2b).